

Số: / BC- SNN

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm giai đoạn 2016-2020; kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ Công văn số 156-CV/BCS ngày 25/10/2019 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung phục vụ xây dựng văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021-2025, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo theo nội dung như sau:

#### **Phần thứ nhất**

#### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2016 - 2020)**

Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang có nhiều khởi sắc, tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức khá, các ngành, lĩnh vực được quan tâm đầu tư. Giai đoạn 2016-2020 tỉnh tiếp tục ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các cơ chế, chính sách đã phát huy hiệu quả, phù hợp với thực tiễn, được đông đảo người dân tích cực hưởng ứng và tham gia; tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống nông dân.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: Do biến đổi khí hậu gây thời tiết bất thường, làm tăng nguy cơ thiên tai (rét đậm, rét hại, nắng nóng kéo dài, mưa lớn gây ngập úng, lũ, bão, sạt lở đất...); dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, khó lường; giá nông sản không ổn định; đặc biệt bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xuất hiện vào cuối tháng 3/2019 đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất của ngành Nông nghiệp... Trước những khó khăn đó, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Bộ nông nghiệp và PTNT, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành và các địa phương; sự chung sức, vượt khó, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp và bà con nông dân trên địa bàn tỉnh, toàn ngành đã nỗ lực bám sát mục tiêu Đại hội, vượt qua khó khăn, thách thức, đẩy mạnh phát triển sản xuất, gắn với xây dựng nông thôn mới; sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn của tỉnh phát triển đúng định hướng, một số nội dung đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra.

## I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được duy trì và phát triển; cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thời vụ chuyển biến tích cực; ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp được quan tâm đem lại hiệu quả ngày càng cao; đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP,... đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài tỉnh, từng bước hướng đến xuất khẩu. Công tác xây dựng nông thôn mới được thực hiện tích cực. Diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, kết cấu hạ tầng được tăng cường, đời sống vật chất, tinh thần của nông dân được cải thiện và nâng lên; các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm, năng lực quản lý ngành được nâng cao theo hướng tinh, gọn. Kết quả cụ thể như sau:

### 1. Kết quả thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XVIII nhiệm kỳ 2016-2020

(1) Tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP ngành nông, lâm và thủy sản (giá SS 2010) giai đoạn 2016-2020 ước đạt 0,6%/năm, không đạt mục tiêu Đại hội (mục tiêu Đại hội giai đoạn 2016-2020 tăng 3-3,5%/năm).

(2) Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản dự tính năm 2020 chiếm 15% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh (mục tiêu Đại hội chiếm 18-20%). Trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp, tỷ trọng trồng trọt chiếm 56,4%, chăn nuôi chiếm 41,4%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 2,2% (mục tiêu Đại hội đến năm 2020 tỷ trọng chăn nuôi chiếm 50%, trồng trọt chiếm 45,8%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 4,2%).

(3) Giá trị sản xuất bình quân trên 01ha đất sản xuất nông nghiệp năm 2020 ước đạt 110 triệu đồng, bằng mục tiêu (mục tiêu Đại hội đến năm 2020 đạt 110 - 120 triệu đồng).

(4) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 ước đạt 38%, đạt mục tiêu Đại hội (mục tiêu Đại hội đến năm 2020 đạt 38%).

(5) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2020 ước đạt 98%, vượt mục tiêu Đại hội (mục tiêu Đại hội đến năm 2020 đạt 95%).

(6) Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến hết năm 2020 ước đạt 137 xã, đạt tỷ lệ 67,5% vượt mục tiêu Đại hội (mục tiêu Đại hội đến năm 2020 đạt 35 - 40% tổng số xã).

*(Chi tiết kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo biểu 02 gửi kèm theo)*

## 2. Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực

### 2.1 Lĩnh vực nông nghiệp

Tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 bình quân đạt 1,45%/năm. Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tỷ trọng trồng trọt chiếm 56,4%, chăn nuôi chiếm 41,4%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 2,2%. Trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cây ăn quả, cây rau an toàn, rau chế biến, chăn nuôi lợn, gà được xác

định là cây, con chủ lực và là ngành sản xuất tạo động lực chính cho tăng trưởng trong lĩnh vực nông nghiệp.

### 2.1.1. Trồng trọt

Sản xuất trồng trọt của tỉnh những năm qua chuyển dịch mạnh cơ cấu giống, cây trồng, mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa. Diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm khoảng 12.500 ha so với năm 2015 (bình quân mỗi năm giảm 1,45%); nguyên nhân do một phần diện tích đất chuyển sang xây dựng khu công nghiệp, hạ tầng giao thông, dịch vụ, trồng cây ăn quả, nuôi thủy sản..., Tuy nhiên do đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ mới về giống, kỹ thuật canh tác nên năng suất hầu hết các loại cây trồng đều tăng (lúa tăng 0,88%/năm; ngô tăng 0,91%/năm; rau các loại tăng 1,2%/năm,...). Đi đôi với phong trào dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn<sup>(1)</sup> việc đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa vào các khâu sản xuất<sup>(2)</sup> được triển khai đồng bộ đã giảm đáng kể chi phí lao động, cải thiện, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất. Cụ thể kết quả sản xuất một số cây trồng chủ lực như sau:

Diện tích gieo trồng lúa năm 2020 ước đạt 102.000 ha, giảm 9.694 ha so với năm 2015, bằng 93,7% so với mục tiêu Đại hội (mục tiêu Đại hội 109.000 ha); sản lượng ước đạt 591.600 tấn, bằng 95,2% so với mục tiêu Đại hội. Để nâng cao giá trị sản xuất, ngành đã chỉ đạo lựa chọn những giống lúa có năng suất, chất lượng cao<sup>(3)</sup> đưa vào sản xuất, đồng thời quan tâm mở rộng vùng sản xuất lúa chất lượng hàng hóa. Dự báo đến hết năm 2020 diện tích lúa chất lượng tăng mạnh ước đạt 40.000 ha (tăng 13.500 ha so với năm 2015 và tăng 5.000 ha (14%) so với mục tiêu Đại hội); sản lượng lúa chất lượng đạt 242.000 tấn, tăng 21% so với mục tiêu Đại hội.

Diện tích ngô năm 2020 đạt 9.800 ha, giảm nhẹ so với đầu nhiệm kỳ (giảm khoảng 700 ha so với năm 2015) tuy nhiên năng suất tiếp tục được nâng lên, ước sản lượng đạt 40.474 tấn, tăng 1,2% so với mục tiêu Đại hội.

Diện tích cây lạc giảm so với đầu kỳ, năm 2020 ước đạt 9.500 ha, bằng 76% so với mục tiêu; sản lượng 24.700 tấn, bằng 74,8% so với mục tiêu Đại hội. Trên địa bàn đã hình thành vùng sản xuất lạc giống tương đối lớn với diện tích khoảng trên 1.000 ha, tập trung tại Tân Yên, Hiệp Hòa,...

Diện tích rau các loại ước đạt 25.200 ha, sản lượng 450.000 tấn, tăng 8,4% so với mục tiêu (trong đó diện tích rau chế biến, rau an toàn 10.000 ha, sản lượng 218.320 tấn).

Diện tích vải thiều ước đạt 28.000ha, giảm 3.232 ha so với đầu kỳ; sản lượng 150.000-180.000 tấn, bằng mục tiêu Đại hội. Trong cơ cấu, vải sớm 6.000 ha (chiếm 21,4%), sản lượng 40.000 tấn; vải sản xuất theo hướng VietGAP 15.000 ha (chiếm 53,5%), sản lượng 110.000 tấn; vải sản xuất theo hướng Global GAP 298 ha (chiếm 1,06%) , sản lượng 2.000tấn.

<sup>1</sup> Trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được 163 cánh đồng mẫu lớn với diện tích trên 5.000 ha

<sup>2</sup> Cơ giới hóa trong khâu làm đất chiếm 98% tổng diện tích, thu hoạch lúa bằng máy đạt trên 85%, vận chuyển trên 60%...

<sup>3</sup> Các giống lúa BC15, TBR225, Bắc Thơm 7, lúa Nhật,...

Diện tích cây cam 5.100 ha, tăng hơn 3 lần so với năm 2015 và so với mục tiêu Đại hội; sản lượng 50.000 tấn, trong đó cam Đường canh 2.300 ha (chiếm 45%), sản lượng 25.200 tấn.

Diện tích cây bưởi 4.950 ha, tăng hơn 3 lần so với năm 2015 và so với mục tiêu Đại hội; sản lượng 36.000 tấn, trong đó cây bưởi Diễn 2.750 ha (chiếm 55,5%), sản lượng 22.040 tấn.

Trong sản xuất trồng trọt, xu hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị, bước đầu được hình thành; các quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, Global GAP, ứng dụng công nghệ cao,... tiếp tục được nhân rộng. Đến nay trên địa bàn tỉnh đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung<sup>(4)</sup> quy mô từ vài chục ha đến vài chục nghìn ha với một số loại cây trồng chủ lực như: lúa chất lượng, rau chế biến rau an toàn, vải thiều, cam, bưởi,...; đã triển khai xây dựng 246 mô hình (có 126 mô hình theo Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND) sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với cây rau và cây hoa, với diện tích trên 40 ha nhà lưới nhà màng. Hình thành 165 mô hình cánh đồng mẫu trồng lúa, rau với diện tích 5.141ha; đã có 58 cơ sở được cấp Giấy chứng nhận VietGAP với diện tích 1.932,8 ha, trong đó vải là 1.737 ha, rau là 164 ha, thủy sản 620 ha; cấp 18 mã số vùng trồng vải thiều xuất khẩu sang Mỹ với diện tích 218 ha.

### 2.2.2 .Chăn nuôi

Chăn nuôi có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm chăn nuôi nhỏ lẻ tăng số lượng và quy mô chăn nuôi trang trại<sup>(5)</sup> tập trung, việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh, liên kết trong chăn nuôi được tăng cường, đặc biệt là liên kết theo chuỗi khép kín; chất lượng đàn gia súc, gia cầm có chuyển biến, tỷ trọng đàn bò lai tăng, đàn lợn nạc tăng, số vòng quay với lợn từ 2 lứa/năm lên 2,5 lứa/ năm, gia cầm từ 2 lứa lên 3-4 lứa/ năm với gà thả vườn. Đã xây dựng một số thương hiệu sản phẩm như gà đồi Yên Thế, thịt lợn sạch Tân Yên, thịt lợn hữu cơ Trường Thành huyện Hiệp Hòa, ... Bên cạnh 02 đối tượng vật nuôi chủ lực là lợn, gà tỉnh còn phát triển các đối tượng vật nuôi có lợi thế tùy theo từng vùng như: trâu, bò, ngựa bạch, dê, thỏ, ong mật, ...

Theo thống kê đàn trâu tiếp tục giảm so với đầu kỳ Đại hội, tổng đàn ước đạt 42.500 con (giảm 15.500 con so với năm 2015), bằng 77% mục tiêu Đại hội. Đàn bò tăng nhẹ so với đầu kỳ, tổng đàn ước đạt 137.500 con (tăng 3.300 con so với năm 2015), tăng 10% so với mục tiêu Đại hội. Đàn lợn giữ ổn định so với đầu kỳ; tổng đàn ước đạt 1.000.000 con, bằng 77% so với mục tiêu Đại hội. Đàn gia cầm tăng so với đầu kỳ, tổng đàn ước đạt 18,4 triệu con, tăng 2,2% so với mục tiêu Đại hội. Trong đó đàn gà đạt 15,7 triệu con, tăng 1,3% so với mục tiêu. Sản lượng thịt

<sup>4</sup> - Các vùng sản xuất lúa trên 40.000 ha tại các huyện Yên Dũng, Việt Yên, Hiệp Hòa, Lục Nam,...

- Vùng sản xuất cây ăn quả trên 50.000 ha Tại các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Tân Yên, Lạng Giang

- Các vùng sản xuất an toàn, chế biến trên 10.000 ha tại các huyện Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng, Lạng Giang, Lục Nam, Việt Yên,

- Vùng sản xuất lạc Giống trên 1.000 ha tại huyện Tân Yên, Hiệp Hòa,

- Vùng sản xuất hoa, cây cảnh trên 200 ha tại Thành phố Bắc Giang

- Vùng sản xuất nấm tại Lạng Giang với trên 600 hộ gia đình và 14 doanh nghiệp với quy mô khoảng trên 300.000 m<sup>2</sup> lán trại.

<sup>5</sup> Trên địa bàn tỉnh đến nay có 694 trang trại chăn nuôi (được cấp GCN: 611 trang trại).

hời các loại ước đạt 220 nghìn tấn, bằng 80% so với mục tiêu Đại hội. Tỷ lệ chăn nuôi trang trại, gia trại và an toàn sinh học theo hướng VietGAP đối với chăn nuôi lợn đạt 43% và đối với gà là 46%.

### **2.3. Lĩnh vực nuôi thủy sản**

Diện tích nuôi thủy sản khá ổn định so với đầu kỳ Đại hội. Tuy nhiên do làm tốt công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên kết quả sản xuất thủy sản đạt khá tiếp tục có đóng góp đáng kể cho tăng trưởng chung toàn ngành. Giá trị sản xuất thủy sản đến năm 2020 dự tính đạt 1.220 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 4,7%/năm. Diện tích nuôi thủy sản thâm canh, thâm canh cao, theo hướng VietGAP, an toàn sinh học tiếp tục được mở rộng; nhiều mô hình ứng dụng kỹ thuật mới cho hiệu quả cao như: Mô hình sản xuất giống cá rô phi Đài Loan áp dụng công nghệ chuyên đổi hoocmone giới tính tại Trung tâm giống thủy sản cấp I; mô hình nuôi cá siêu thâm canh “sông trong ao”- (IPA) tại các huyện Lạng Giang, Việt Yên, Yên Dũng, mô hình nuôi ngọc trai tại Lục Nam,...

Đến hết năm 2020, diện tích nuôi thủy sản ước đạt 12.500 ha, bằng 100% so với mục tiêu Đại hội, trong đó diện tích nuôi chuyên canh đạt 5.800 ha, tăng 400 ha; diện tích nuôi thâm canh cao đạt 1.550 ha, tăng 300 ha so với năm 2015. Sản lượng thủy sản đạt ước đạt 48.000 tấn, tăng 37% so với mục tiêu Đại hội, trong đó sản lượng thủy sản nuôi là 44.500 tấn, sản lượng thủy sản khai thác là 3.500 tấn. Trên địa bàn tỉnh có 52 vùng nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, tập trung chủ yếu tại 6 huyện, thành phố gồm Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên, Thành phố Bắc Giang, Yên Dũng, Hiệp Hòa với diện tích khoảng 620 ha, trong đó có 19 vùng được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP với tổng diện tích 180,4 ha.

### **2.4. Lĩnh vực lâm nghiệp**

Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục phát triển và có đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung toàn ngành. Năm 2020 ước giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 1.104 tỷ đồng (giá SS2010), giai đoạn 2016-2020, tăng bình quân 8,7%/năm. Đến nay tỉnh Bắc Giang đã cơ bản hoàn thành công tác giao rừng, cho thuê rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng lâu dài theo chính sách của nhà nước (149.900 ha đạt 97,5%). Phong trào trồng rừng kinh tế trong nhân dân phát triển mạnh, đã hình thành vùng sản xuất gỗ nguyên liệu tập trung 80.000 ha, trong đó rừng trồng gỗ lớn 9.952 ha (chiếm 11%). Việc áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất được quan tâm; các biện pháp thâm canh rừng như cơ giới hóa khâu cuốc hố, lựa chọn các giống mới có năng suất, chất lượng được sản xuất bằng các phương pháp nuôi cấy mô và giâm hom vào trồng rừng<sup>(6)</sup> đã được áp dụng rộng rãi (chiếm trên 60%). Năng suất bình quân rừng trồng với chu kỳ 5-7 năm được tăng lên đáng kể, đạt từ 17-20m<sup>3</sup>/ha/năm, cá biệt có nơi đạt 30m<sup>3</sup>/ha/năm.

Kết quả giai đoạn 2016-2020 toàn tỉnh trồng được trên 40.000 ha, tăng 60% so với mục tiêu Đại hội (bình quân mỗi năm trồng được trên 8.000 ha); trồng rừng gỗ lớn được 3.357 ha, (chiếm 8,3% tổng diện tích rừng trồng); trồng cây phân tán được khoảng 14 triệu cây (bình quân mỗi năm trồng được trên 2,8 triệu cây), tăng

<sup>6</sup> Các giống bạch đàn: UP99, UP95, UP 54, PNCT3, PN108; các giống keo lai BV10, BV33, BV73,....

hơn 2 lần so với mục tiêu (mục tiêu Đại hội là 6,4 triệu cây); đã thực hiện cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế (FSC) với tổng diện tích 2.171 ha. Sản lượng gỗ khai thác giai đoạn 2016-2020 ước đạt gần 3 triệu m<sup>3</sup>, tăng gấp 2 lần so với mục tiêu Đại hội (bình quân sản lượng gỗ khai thác mỗi năm trên 600 nghìn m<sup>3</sup>). Chế biến gỗ phát triển mạnh, có sản phẩm gỗ sau chế biến xuất khẩu ra thị trường các nước như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,.... Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%, bằng 100% so với mục tiêu Đại hội.

### **3. Kết quả xây dựng nông thôn mới**

Đến hết năm 2019, toàn tỉnh có 114/203 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, chiếm 56,2% tổng số xã; có 03 huyện, thành phố (Việt Yên, Lạng Giang, Thành phố Bắc Giang) có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn NTM. Dự tính đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 137 xã đạt chuẩn NTM, chiếm 67,5% tổng số xã; có 03 huyện (dự kiến thêm huyện Tân Yên) được công nhận đạt chuẩn NTM; 08 xã được công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao; 52 thôn (thuộc 50 xã) được công nhận thôn NTM kiểu mẫu; có từ 100-120 sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và 60-70 sản phẩm đánh giá phân hạng đạt từ 3 sao cấp tỉnh trở lên.

*(Chi tiết kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo biểu 02 gửi kèm theo)*

### **4. Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn**

Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 tiếp tục được nhà nước quan tâm đầu tư, trong đó tập trung chủ yếu cho lĩnh vực thủy lợi, đê điều, giao thông nông thôn và nước sạch nông thôn, tuy nhiên nguồn vốn hỗ trợ, đầu tư còn rất hạn chế. Cụ thể:

*Tổng nguồn vốn, hỗ trợ đầu tư lĩnh vực thủy lợi* đạt 225,75 tỷ đồng, (trong đó nguồn vốn Trung ương 76,15 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh 108,55 tỷ đồng, vốn CTMTQG xây dựng nông thôn mới 41 tỷ đồng, vốn Chương trình MTQG giảm nghèo 0,05 tỷ đồng). Kết quả đã thực hiện sửa chữa, cải tạo 31 công trình thủy lợi (hồ, đập, trạm bơm), cải tạo, kiên cố hóa 132 km kênh mương các loại (kênh mương cấp 2, 3 và kênh nội đồng). Các công trình sau khi được đầu tư cải tạo, nâng cấp đã góp phần quan trọng trong việc chủ động nguồn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất và dân sinh. Tỷ lệ tưới chủ động đạt trên 85% diện tích đất canh tác, tăng 10% so với giai đoạn 2011-2015, đảm bảo tiêu úng kịp thời cho 136.735 ha lưu vực.

*Tổng nguồn vốn đầu tư hỗ trợ tu sửa, cải tạo nâng cấp Hệ thống đê điều* giai đoạn 2016-2020 ước đạt 390,34 tỷ đồng (trong đó nguồn vốn Trung ương là 255,37 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 124,97 tỷ đồng). Kết quả đã cải tạo, sửa chữa và xây mới 108,3 Km đê, kè công, góp phần đảm bảo an toàn cho các tuyến đê và tiêu thoát lũ cho thượng du.

*Tổng nguồn vốn huy động đầu tư cho cải tạo, nâng cấp, xây dựng Hệ thống nước sạch nông thôn* giai đoạn 2016-2020 ước đạt 608 tỷ đồng (trong đó Ngân sách nhà nước 210 tỷ đồng,...) thực hiện xây dựng, cải tạo 40 công trình cấp nước tập trung (trong đó có 13 công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, cải tạo

nâng cấp 08 công trình và xây dựng mới 19 công trình. Đến hết năm 2020 tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 97%, tăng 6,5% so với giai đoạn 2011-2015 và tăng 3% so với mục tiêu Đại hội.

*Tổng nguồn vốn huy động để xây dựng đường giao thông nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới đạt trên 3.700 tỷ đồng, thực hiện cứng hóa được 4.406 Km giao thông nông thôn. Tính đến nay 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã.*

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP**

### **1. Công tác tham mưu công tác xây dựng và quản lý quy hoạch**

Trong giai đoạn 2016-2020, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch ngành đã được phê duyệt. Phát huy tiềm năng, lợi thế và nhu cầu thị trường, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung 03 quy hoạch và xây dựng mới 02 quy hoạch gồm: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

### **2. Công tác tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách, đề án, các quy định trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, xây dựng nông thôn mới**

Để cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2015 của Tỉnh ủy Bắc Giang; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 26/02/2016 và số 96/KH-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch số 29/KH-SNN ngày 29/4/2016 về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2015 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 26/02/2016 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 55/KH-SNN ngày 22/9/2016 về Phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm giai đoạn 2016-2020. Trong đó phân công rõ trách nhiệm, thời gian thực hiện cho các phòng, ban, đơn vị để tổ chức thực hiện.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành: 01 Chương trình; 10 Nghị quyết; 01 Kết luận; 09 Kế hoạch; 01 Chỉ thị và 25 Quyết định về lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn.

*(chi tiết theo biểu 01)*

Nhìn chung các Chương trình, Kế hoạch của Ngành và các văn bản do Ngành tham mưu đã bám sát Nghị quyết Đại hội đảng các cấp và các chương trình, kế hoạch của HĐND và UBND tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; nội dung đảm bảo chất lượng, có tính khả thi, xác định rõ mục tiêu và biện pháp tổ chức thực hiện.

### **3. Công tác chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản**

Xác định khoa học, công nghệ là giải pháp xuyên suốt, tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, phòng nông nghiệp & PTNT các huyện, thành phố tích cực chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, trong đó tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp.

- *Trong lĩnh vực trồng trọt:* đã ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất, phòng trừ dịch hại cho các loại cây trồng như: Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM, hệ thống thâm canh lúa cải tiến SRI; sản xuất rau, quả theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; sản xuất rau và hoa ứng dụng công nghệ cao sản xuất trong nhà lưới, nhà màng; sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu công nghệ cao, hệ thống tưới nhỏ giọt, phun sương cho cây ăn quả, rau, cây công nghiệp và sản xuất giống.

- *Sản xuất chăn nuôi:* ứng dụng có hiệu quả công nghệ thụ tinh nhân tạo giống trâu, bò, gia cầm; áp dụng công nghệ chăn nuôi lợn, gà bằng chuồng kín có hệ thống làm mát, máng ăn, máng uống nước tự động; ứng dụng men vi sinh trong bảo quản, chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và xử lý môi trường trong chăn nuôi; (dùng các chế phẩm EM, độn lót sinh học), triển khai xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, chăn nuôi hữu cơ,...

- *Sản xuất thủy sản:* Triển khai áp dụng công nghệ chuyển đổi Hoocmone chuyển đổi giới tính để sản xuất giống cá rô phi Đài Loan; áp dụng các biện pháp thâm canh, nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, an toàn sinh học; ứng dụng cơ giới hóa sản xuất các khâu sục khí và cung cấp thức ăn, bước đầu đã có hộ sử dụng điện thoại thông minh để điều khiển hệ thống máy trong ao nuôi.

- *Sản xuất lâm nghiệp:* Triển khai trồng rừng sản xuất bằng các giống mới có năng suất cao; tiếp nhận, chuyển giao công nghệ nuôi cấy mô tế bào đối với một số dòng Bạch đàn (như: UP99,UP54,UP95), dòng keo lai (như: BV10, BV32, BV73), để sản xuất giống; ứng dụng cơ giới hóa vào các khâu như làm đất, chăm sóc, khai thác; ứng dụng công nghệ viễn thám (các loại phần mềm, GPS...), công nghệ thông tin (thiết bị điện tử, di động) và hệ thống thông tin địa lý (bản đồ mapinfo, GIS...) trong điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

- *Chế biến, bảo quản nông sản:* ứng dụng công nghệ tiên tiến như công nghệ Juran(Israel), CAS (Nhật bản), màng bao khí gói khí quyển biến đổi (MAP), vào bảo quản, đóng gói rau, quả.



## **5. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã, doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp**

Việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong lâm nghiệp, bước đầu đạt kết quả nhất định. Trong 05 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp đã chuyển 02 Công ty thành Công ty TNHH hai thành viên (Công ty TNHH 2TV lâm nghiệp Lục Ngạn và Yên Thế); 02 Công ty (Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục Nam và Mai Sơn) đang hoàn thiện các bước để chuyển đổi; giải thể Công ty TNHH.MTV lâm nghiệp Sơn Động, bàn giao nguyên trạng cho Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động. Tổ chức lại 05 Công ty TNHH một thành viên khai thác CTTL 100% vốn nhà nước thành 02 Công ty TNHH MTV khai thác CTTL, giảm 03 đầu mối. Sau khi chuyển đổi các công ty đã đi vào hoạt động theo mô hình mới, đảm bảo ổn định và thực hiện tốt chức năng được giao.

Kinh tế tập thể có bước phát triển cả về loại hình hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại. Đến nay có 440 HTX nông nghiệp và 04 Liên hiệp HTX, 100% HTX được thành lập mới và chuyển đổi đã hoạt động theo Luật HTX năm 2012; Toàn tỉnh hiện nay có tổng số 841 tổ hợp tác, trong đó có 39 tổ hợp tác được cấp xã chứng thực hợp đồng hợp tác; có 829 trang trại đang hoạt động, trong đó 727 trang trại được cấp GCN kinh tế trang trại, chiếm 87,42% . Hoạt động của các HTX, THT và trang trại đã hỗ trợ tích cực cho kinh tế hộ phát triển; cung ứng các dịch vụ sản xuất và tăng cường hợp tác liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ sản phẩm.

Hình thức tổ chức sản xuất liên kết, hợp tác giữa người sản xuất, HTX, doanh nghiệp có xu hướng phát triển mạnh, từng bước thay đổi tư duy sản xuất quy mô nhỏ lẻ, phân tán sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tập trung theo các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế và theo nhu cầu thị trường. Các hình thức liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân theo chuỗi giá trị đã tạo sự ổn định đầu ra sản phẩm, giúp cho nông dân yên tâm sản xuất, nâng cao thu nhập và ổn định sản xuất . Trên địa bàn đã xuất hiện nhiều mô hình liên kết tiêu biểu đem lại hiệu quả cao như: chuỗi liên kết tiêu thụ vải thiều, chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa chất lượng và rau thực phẩm, chuỗi liên kết “chăn nuôi- thu mua-tiêu thụ gà đồi Yên Thế; mô hình “chăn nuôi-giết mổ, chế biến- tiêu thụ gà đồi Yên Thế”; mô hình sản xuất tiêu thụ lợn sạch tại Tân Yên, Hiệp Hòa,... mô hình liên kết giữa các hộ chăn nuôi với các doanh nghiệp, công ty như: Công ty CP (Thái Lan), Jafa (Indonexia), DABACO, RTD,...

## **6. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh ATTP**

Giai đoạn năm 2016 - 2020, thực hiện công tác giám sát ATTP nông lâm thủy sản, lấy 296 mẫu nông sản phân tích các chỉ tiêu ATTP, kết quả 102/196 mẫu không đảm bảo quy định (34,4%); không phát hiện chất cấm trong sản phẩm; thực hiện thanh tra, kiểm tra tại 96 cơ sở, xử lý 02 cơ sở có hành vi vi phạm trong sản xuất - kinh doanh nông lâm thủy sản. Triển khai tập huấn áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho 2.950 lượt người; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho 86 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm thủy sản. Đến nay tỷ lệ sản xuất thâm canh rau theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 32%; tỷ lệ sản xuất thâm canh cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 39%; tỷ lệ sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP 42,7%; tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 42,6%; tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 43,3%; tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thủy sản được cấp giấy chứng nhận ATTP đạt 90%.

## **7. Thông tin, truyền truyền**

Đề triển khai có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch, Chương trình của UBND tỉnh Ngành đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh như Đài PTTH, Báo Bắc Giang xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, các trang thông tin điện tử, tổ chức các diễn đàn, hội chợ triển lãm để chuyển tải thông tin về các chủ trương chính sách; giới thiệu, hướng dẫn tiến bộ khoa học kỹ thuật, các mô hình, cách làm hay, các sản phẩm nông sản chủ lực tới bà con nông dân, các tổ chức, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý.

Kết quả trong giai đoạn 2016-2020, Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã phối hợp với Đài PTTH tỉnh xây dựng 130 chuyên mục, 720 tin, phóng sự về nông nghiệp, nông thôn; phối hợp với Báo Bắc Giang xây dựng 240 chuyên mục khuyến nông; duy trì trang thông tin điện tử Khuyến nông Bắc Giang với 2.650 tin, bài thu hút một lượng lớn người truy cập. Tổ chức 02 diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp có sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành (mỗi cuộc có 350 đại biểu tham dự. Tổ chức 71 cuộc hội thảo đầu bờ, đầu chuồng để bà con nông dân mắt thấy tai nghe các tiến bộ kỹ thuật, là cơ sở để nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả.

## **8. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; hoàn thiện bộ máy quản lý, đảm bảo sự chỉ đạo nhanh nhạy, thông suốt, chủ động và hiệu quả**

Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính, Sở đã thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách còn hiệu lực, triển khai, thực hiện đảm bảo hiệu quả và tham mưu, đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách mới hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.; rà soát, thực hiện đơn giản hóa, số hóa đối với các thủ tục hành chính thường xuyên phát sinh; cắt giảm các thủ tục chồng chéo, không cần thiết; công khai và niêm yết 100% các thủ tục hành chính được theo quy định.

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về “ Một số vấn đề tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức của Hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “tiếp tục đổi mới Hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp”,

Thực hiện thanh tra hành chính và thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo hướng tăng cường thanh tra, kiểm tra đột xuất. Công tác tiếp công dân, giải quyết

khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện tốt; không phát sinh các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp; không phát hiện, xử lý trường hợp nào có hành vi tham nhũng.

Các công tác khác của ngành được thực hiện đúng quy định.

## **II. HẠN CHẾ, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp và Thủy sản (GRDP) thiếu ổn định và tiếp tục có xu hướng giảm<sup>(7)</sup>, tốc độ tăng giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân ước đạt 0,6%/năm, không đạt mục tiêu Đại hội.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tỷ trọng chăn nuôi (chiếm 41,5%) giảm so với đầu kỳ (năm 2015 đạt 48,2%) và không đạt mục tiêu Đại hội (mục tiêu Đại hội chiếm 50%).

- Chất lượng một số loại nông sản còn thấp, quy mô sản xuất nhỏ, chi phí sản xuất cao, dẫn đến khả năng cạnh tranh thấp. Công tác bảo quản, chế biến sau thu hoạch còn thiếu, phần lớn nông sản tiêu thụ và xuất khẩu ở dạng sơ chế, thô nên giá trị gia tăng thấp. Thị trường tiêu thụ nông sản thiếu bền vững.

- Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm, hình thức tổ chức sản xuất vẫn chủ yếu là hộ gia đình, quy mô nhỏ. Kinh tế HTX, trang trại có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chất lượng, hiệu quả hoạt động của một số HTX chưa cao; số lượng các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế dẫn đến liên kết, hợp tác sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị còn khó khăn.

### **2. Nguyên nhân**

#### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến đổi khí hậu, rủi ro cao, hiệu quả và lợi nhuận thấp so với các ngành khác. Thị trường tiêu thụ chưa ổn định, giá một số nông sản bấp bênh.

- Diện tích đất đai manh mún, địa hình đồng bằng xen kẽ trung du, đồi núi, khó hình thành được nhiều vùng sản xuất tập trung quy mô lớn.

- Diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, do chuyển sang xây dựng khu công nghiệp, dịch vụ, hạ tầng giao thông,...

- Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp.

#### **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Một số chính quyền cấp cơ sở chưa thực sự quan tâm đến phát triển sản xuất nông nghiệp; một bộ phận nông dân còn tư tưởng ỷ nại, trông chờ vào hỗ trợ của nhà nước.

---

<sup>7</sup> Năm 2016 tăng 2,5%, năm 2017 tăng trưởng -3,2%, năm 2018 tăng 6,48%, năm 2019 tăng - 4,8%, dự tính năm 2020 tăng 2,6%.

- Ý thức của một số người dân trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi chưa cao, còn chủ quan khi chưa có dịch; các hộ kinh doanh, buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật.

- Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, môi trường cạnh tranh gay gắt, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế.

- Một số cơ chế chính sách chưa được phát huy đầy đủ do thiếu nguồn lực hoặc chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, việc thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế còn khó khăn.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

##### **1. Thuận lợi**

- Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn.

- Những kết quả đạt được trong giai đoạn (2016-2020) là cơ sở, tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong thời gian tới.

- Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, các cơ chế hợp tác song phương và đa phương vẫn diễn ra mạnh mẽ, điều đó cũng tạo ra cơ hội và thách thức đối với thị trường tiêu thụ nông sản của Việt Nam; tạo cơ hội để tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ quản lý của các nước tiên tiến.

- Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; khoa học công nghệ về gen, kiểm soát sâu bệnh và dịch bệnh, sử dụng phụ phẩm và chất thải nông nghiệp, công nghệ bảo quản, chế biến, công nghệ thông tin trong quản lý,... tiếp tục là động lực quan trọng cho sự phát triển nông nghiệp trong thời gian tới.

##### **2. Khó khăn và thách thức**

- Biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan, khó lường, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân.

- Hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, thị trường hàng nông sản cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đặc biệt yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm đòi hỏi ngày càng cao.

- Quá trình công nghiệp hóa, phát triển đô thị đang diễn ra theo chiều rộng, tất yếu dẫn đến việc giảm một phần khá lớn diện tích đất và tài nguyên nước của

sản xuất nông nghiệp, lực lượng lao động trẻ từ khu vực sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, xây dựng, dịch vụ.

- Ô nhiễm môi trường và các mối nguy hại về ô nhiễm môi trường, tài nguyên (đất, nước) ngày càng lớn và phức tạp hơn.

## **II. Quan điểm, mục tiêu**

### **1. Quan điểm**

Phát triển nông nghiệp Bắc Giang theo hướng hiện đại, bền vững trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh địa phương, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thích ứng với cơ chế thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Phát triển đồng bộ nông nghiệp với công nghiệp, thương mại, dịch vụ nhằm hỗ trợ để tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị, chất lượng cao.

### **2. Mục tiêu**

#### **2.1. Mục tiêu chung**

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững dựa trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, các nông sản có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu.

#### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

(1) Tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP ngành nông, lâm và thủy sản giai đoạn 2021 – 2025 là 1,5-2 %/năm.

(2) Giá trị sản xuất bình quân trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp đến năm 2025 đạt 130 triệu đồng/ha/năm.

(3) Tỷ lệ che phủ rừng giữ ổn định 38%.

(4) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến 2025 đạt 100%.

(5). Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 đạt 84,2% tổng số xã; huyện nông thôn mới 50%; xã nông thôn mới nâng cao 20%; xã nông thôn mới kiểu mẫu 10 %.

*(chi tiết kế hoạch theo phụ biểu gửi kèm theo)*

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Tiếp tục tiến hành rà soát hiện trạng đất đai, lợi thế của từng địa phương và nhu cầu thị trường để xác định không gian phát triển nông nghiệp, trọng tâm là các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh như: lúa chất lượng, rau chế biến, rau an toàn, chè, cây ăn quả (vải, cam, bưởi, na,...), chăn nuôi gà, lợn, thủy sản, vùng sản xuất gỗ nguyên liệu,... các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để định hướng quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng, các cơ sở chế biến, dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất, thu hút các doanh nghiệp đầu tư liên kết, hợp tác sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

2. Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- *Về trồng trọt*: Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý vật tư đầu vào; kiểm tra, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh trên cây trồng đảm bảo hiệu quả cho người sản xuất.

- *Về chăn nuôi*: Phát triển chăn nuôi (lợn, gà) theo hai hướng: chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung quy mô lớn áp dụng hình thức chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp, gắn với giải quyết tốt vấn đề ô nhiễm môi trường đảm bảo an toàn dịch bệnh và chăn nuôi nông hộ có sự liên kết nhóm, tổ hợp tác, HTX theo định hướng chăn nuôi hữu cơ, truy xuất được nguồn gốc. Khuyến khích tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi khép kín từ chăn nuôi tới giết mổ chế biến, phân phối sản phẩm, giảm xuất thô, tăng sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng của sản phẩm, hài hòa về thu nhập. Nâng cao chất lượng đàn vật nuôi, nhất là đối với đàn gà và đàn lợn để hướng đến thị trường xuất khẩu chính ngạch; giữ vững thương hiệu gà đồi Yên Thế; thu hút dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thịt lợn, thịt gà xuất khẩu tại huyện Tân Yên, Yên Thế.

- *Về thủy sản*: Tiếp tục thực hiện bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, áp dụng khoa học công nghệ và quy trình thực hành nuôi tốt (VietGAP); tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi; phát triển nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành nuôi tốt, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái.

- *Về Lâm nghiệp*: Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng tự nhiên, kết hợp hoạt động bảo vệ, khai thác rừng với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển rừng kinh tế bền vững, tăng cường đầu tư, nâng cao hiệu quả rừng sản xuất theo hướng trồng rừng thâm canh bằng các giống mới, năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh việc xã hội hóa nghề rừng; hoàn thiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, tạo nguồn thu ổn định, phát triển các hình thức du lịch gắn với lâm nghiệp.

3. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “*Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2021-2025 và thực hiện hiệu quả cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” để tiếp tục huy động sự tham gia của cả Hệ thống chính trị và người dân trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách và từ các thành phần kinh tế để hỗ trợ các xã, huyện còn lại đạt chuẩn NTM; triển khai thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã đã đạt chuẩn; đồng thời nâng

cao chất lượng các xã, huyện đã đạt tiêu chí NTM lên xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, huyện NTM kiểu mẫu.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của địa phương theo Chương trình OCOP gắn với xây dựng thương hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, truy xuất nguồn gốc; đẩy mạnh xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP của tỉnh. Xác định đây là nội dung đột phá, động lực thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

4. Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Triển khai các mô hình khuyến nông theo chuỗi từ sản xuất đến bảo quản, sơ chế và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích, hướng dẫn các hộ nông dân áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), công nghệ sản xuất sạch, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.

5. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, trọng tâm là phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị; phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng việc tổ chức nông dân sản xuất hàng hóa có quy mô lớn, chất lượng cao; kêu gọi doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, nhất là tại các vùng sản xuất tập trung, có quy mô lớn; đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm, nhất là các sản phẩm nông sản có thế mạnh, tiến tới xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

6. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP). Tăng cường kiểm tra chặt chẽ chất lượng VTNN nhất là những vật tư thiết yếu đầu vào của sản xuất như: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y...; thực hiện quản lý nghiêm an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo phân cấp, trọng tâm là những sản phẩm như rau, củ, quả, thịt, trứng, sữa; chú trọng xây dựng, mở rộng các vùng sản xuất nông sản an toàn tập trung quy mô lớn gắn với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, thực hành nông nghiệp tốt; tăng cường kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; triển khai hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP nông, lâm, thủy sản.

7. Tiếp tục tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách mới để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất trước những diễn biến bất thường của thời tiết, biến đổi khí hậu như hiện nay nhằm tạo động lực tăng trưởng ngành như: Khuyến khích tích tụ ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn; mở rộng quy mô, diện tích sản xuất các sản phẩm chủ lực ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện quy trình sản xuất tiên tiến theo tiêu chuẩn (VietGap, GlobalGap, hữu cơ,...); hỗ trợ đổi mới hình thức tổ chức sản xuất; khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu

ơ, gắn chế biến, tiêu thụ; đầu tư chophát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp

8. Đầu tư thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phục vụ đa ngành, đa chức năng, tập trung vào nâng cấp các công trình hiện có; đảm bảo an toàn các hồ chứa, nâng cấp hệ thống đê sông; phát triển thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, tưới cho cây trồng cạn, chuyên đổi cơ cấu sản xuất, xây dựng các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao mức đảm bảo tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện để sẵn sàng ứng phó trước mùa mưa bão. Tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai.

9. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính; tham mưu UBND tỉnh trong việc công bố mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp & PTNT. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, kinh doanh giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; thanh tra, kiểm tra phòng, chống quan liêu, tham nhũng, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đầu tư XDCB, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh tra. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020; kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

***Nơi nhận:***

- Lưu VT, KHTC.

***Bản điện tử:***

- Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- pth@bacgiang.gov.vn;
- phong\_thqh\_skhdt@bacgiang.gov.vn.

**GIÁM ĐỐC**

**Dương Thanh Tùng**